

**KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
GIỐNG CÂY, CON VÀ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Căn cứ Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021; nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực nghiên cứu, lai tạo và chọn lọc, sản xuất, quản lý giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo hướng công nghiệp hiện đại; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu, sản xuất giống, nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ giống chất lượng cao, góp phần thực hiện thành công định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị là xu hướng chủ đạo và tất yếu của ngành nông nghiệp Thành phố, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, phục vụ phát triển đô thị theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa, có năng suất, giá trị gia tăng, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao và thân thiện với môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Đẩy mạnh nông nghiệp công nghệ cao, trong đó tập trung vào công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa và các công nghệ tiên tiến khác ứng dụng trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản ... để tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phương pháp canh tác, nuôi trồng sản phẩm thương phẩm và công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch, để tạo ra sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, an toàn và có sức cạnh tranh cao.

2.1.1. Giống cây trồng chủ yếu

a) Giống rau

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chọn tạo, phục tráng, nhập khẩu và cung ứng giống rau mới có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh và phù hợp với thị trường. Chuyển giao 2 - 3 giống rau mới chất lượng cao, đẩy mạnh sử dụng

giống cây con ươm sẵn, đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp hướng đô thị. Cung cấp cho thị trường khoảng 400 - 450 tấn hạt giống các loại, đáp ứng cho 500.000 - 650.000 ha gieo trồng/năm.

b) Giống hoa, cây kiểng

Tiếp tục sưu tập, bảo tồn các giống hoa, cây kiểng bản địa làm nguyên liệu, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chọn tạo giống hoa, cây kiểng mới, trong đó tập trung giống hoa lan, hoa mai vàng, hoa nền đặc trưng có giá trị kinh tế cao.

Nhập nội, thuần hóa, nghiên cứu lai tạo giống đưa vào sản xuất trung bình 2 - 3 giống hoa cây kiểng mới phù hợp với nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị.

Phân đầu sản xuất giống lan tại chỗ cung ứng khoảng 15% - 22% nhu cầu mở rộng diện tích hoa lan của Thành phố và cung ứng cho thị trường khoảng từ 15 - 20 triệu cây giống/năm (chủ yếu lan cây mô) đáp ứng khoảng 220 - 250 ha canh tác.

Nghiên cứu hoàn thiện 3 - 4 quy trình nhân giống in vitro một số giống hoa, cây kiểng có triển vọng.

c) Giống cây dược liệu (bao gồm nhóm cây dược liệu phục vụ chăm sóc sức khỏe con người và nhóm giống cây dược liệu phục vụ lĩnh vực cây trồng, vật nuôi và thủy sản).

Xây dựng ít nhất 02 bộ sưu tập gồm 150 - 200 giống cây dược liệu, định danh giống, lưu giữ bảo tồn nguồn gen, chọn lọc giống cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao đặc tính tốt, giá trị kinh tế cao phù hợp với khu vực phía Nam để nhân giống, sản xuất giống phục vụ vào sản xuất tại Thành phố và các tỉnh thành khác. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng hoàn thiện từ 3 - 4 quy trình nhân giống cây dược liệu có giá trị cao.

d) Giống nấm ăn, nấm dược liệu (gọi chung là nấm)

Xây dựng bộ sưu tập gồm trên 20 giống nấm, định danh giống, lưu giữ bảo tồn nguồn gen, chọn lọc giống nấm có năng suất, chất lượng cao đặc tính tốt, giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để hoàn thiện từ 2 - 3 giống nấm gốc có giá trị cao.

Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện từ 3 - 5 quy trình nhân giống nấm ăn và nấm dược liệu tạo ra sản phẩm phôi nấm chất lượng cao.

e) Giống cây lâm nghiệp

Sản xuất trên 04 triệu cây giống/năm, trong đó khoảng 2 - 2,5 triệu cây giống lâm nghiệp cao sản, chất lượng cao.

2.1.2. Giống vật nuôi chủ yếu

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất con giống đối với bò sữa, bò thịt, heo; nhập khẩu đưa các dòng tinh cao sản bò sữa, bò thịt, các giống heo có năng suất, chất lượng cao từ các nước có nền chăn nuôi tiên tiến, làm tươi máu đàn giống hiện hữu và tạo tổ hợp lai, dòng mới.

a) Giống heo: Duy trì tổng đàn heo đạt 200.000 con (nái sinh sản chiếm 16%, giống cụ kỵ (GGP) đạt 2.750 con); cải tiến nâng cao chất lượng giống phần đầu 50% các cơ sở giống được quản lý dữ liệu; trên 40% các cơ sở sản xuất giống heo trên địa bàn Thành phố được chứng nhận con giống theo các tiêu chuẩn hiện hành, 100% các trang trại chăn nuôi quy mô lớn được chứng nhận con giống thuần; hình thành hệ thống tháp giống 4 cấp và cung cấp cho thị trường trên 350.000 heo con giống các loại/năm.

b) Giống bò sữa: Tiếp tục duy trì đàn bò sữa đạt 60.000 con (cái sinh sản chiếm từ 65% - 70% và cái vắt sữa chiếm 50%); xây dựng đàn hạt nhân chiếm 1% - 2% tổng đàn bò sữa Thành phố.

c) Giống bò thịt: Phát triển đàn bò thịt đạt 50.000 con, cung cấp cho thị trường 15.000 tấn thịt bò hơi, trên 4.000 bò cái giống.

2.1.3. Giống thủy sản chủ yếu

a) Giống thủy sản nước ngọt: Sản xuất giống thủy sản nước ngọt chất lượng cao (cá rô phi đơn tính dòng Gift, cá điêu hồng, lươn, tôm càng xanh...); giống thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá lăng, cá chạch lấu... Tổng số lượng sản xuất giống đạt khoảng 0,3 - 0,8 tỷ con/năm, trong đó cá rô phi đơn tính dòng Gift đạt 120 - 150 triệu con, tôm càng xanh toàn đực là 04 triệu Portlarve.

b) Giống thủy sản nước mặn lợ: Tôm giống Portlarve sản xuất thuần dưỡng khoảng 0,5 - 1 tỷ con/năm; nhuyễn thể (nghêu, sò huyết, ốc hương,...) sản xuất 30 - 40 tỷ con/năm; thủy sản nước mặn lợ khác 200 - 300 triệu con/năm.

c) Cá cảnh: Tiếp tục duy trì chọn lọc các giống cá cảnh có giá trị cao, tổng sản lượng sản xuất đạt khoảng 220 - 260 triệu con/năm (cá đĩa, chép koi, cá rồng, hòa lan, hồng kim, bạch kim, bình tích, trân châu, mô ly, xiêm, ông tiên, ngựa vằn, la hán, phượng hoàng, neon,...); xuất khẩu khoảng 28 - 32 triệu con; Kim ngạch xuất khẩu đạt từ 25 - 30 triệu USD.

2.2. Nâng tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 chiếm từ 50% - 60% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của Thành phố; từ 40% - 50% hộ nông dân, trên 15% hợp tác xã, trên 70% doanh nghiệp ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mang tính công nghệ cao về giống, quy trình canh tác, công nghệ sau thu hoạch; cơ giới hóa, tự động hóa trong quá trình sản xuất chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, xử lý chất thải; các kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao trong quá trình sản xuất các đối tượng sản phẩm nông nghiệp chủ lực (rau quả, hoa kiểng, heo, bò sữa, tôm và cá cảnh).

2.3. Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực nâng cao kỹ thuật, kỹ năng sử dụng vận hành công nghệ và làm chủ công nghệ trong lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và trong sản xuất và bảo quản nông sản; cập nhật thông tin kiến thức về tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, kỹ năng thực hành ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.4. Hỗ trợ cho việc hình thành và hoạt động có hiệu quả của các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực cây trồng, chăn nuôi, thủy sản.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đầu tư nâng cấp, xây mới cơ sở hạ tầng khu, vùng, trại sản xuất giống và nông nghiệp công nghệ cao

Nâng cấp, mở rộng đưa vào sử dụng hiệu quả từ 2 - 3 Khu Nông nghiệp công nghệ cao. Cụ thể, mở rộng Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao lĩnh vực trồng trọt, công nghệ bảo quản sau thu hoạch (quy mô 23,3 ha) tại xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi; đầu tư mở rộng Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao lĩnh vực trồng trọt (giống và sản phẩm rau, hoa, quả) và thủy sản (cá cảnh) (quy mô 200 ha) tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi.

Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Công nghệ sinh học Thành phố, Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản, Trại thực nghiệm và trình diễn chăn nuôi bò sữa công nghệ cao.

Xây dựng mới Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao lĩnh vực giống thủy sản nước mặn/lợ (quy mô 89,7 ha) tại huyện Cần Giờ. Đầu tư trang thiết bị nhân giống, kiểm soát bệnh và xây dựng mô hình sản xuất thủy sản ứng dụng công nghệ cao tại huyện Cần Giờ.

Xây dựng Trung tâm Dạy nghề Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng mới Trại thực nghiệm và trình diễn chăn nuôi heo, bò thịt công nghệ cao, trở thành nòng cốt trong việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của Thành phố.

Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo quy định, trong đó gắn quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các quận, huyện với bố trí giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực (rau, hoa, cây kiểng, heo, bò sữa, tôm và cá cảnh); xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp an toàn dịch bệnh và kết hợp vành đai sinh thái tập trung tại các huyện ngoại thành (Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ). Đồng thời, xác định vùng đệm giữa các khu đô thị, địa giới hành chính của Thành phố với địa phương lân cận; nghiên cứu địa hình, thổ nhưỡng để có chiến lược, kế hoạch sản xuất nông nghiệp cho phù hợp. Quy định về mật độ chăn nuôi, khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.

Liên kết các tỉnh xây dựng vùng sản xuất giống phù hợp với yêu cầu sinh thái của từng loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản đảm bảo chất lượng, an toàn dịch bệnh và tiếp cận thử nghiệm giống, trình diễn công nghệ canh tác tiên tiến, sử dụng có hiệu quả đất đai và nguồn lao động.

Ưu tiên cho thuê đất, giao đất và các chính sách ưu đãi đầu tư cơ sở hạ tầng, khoa học và công nghệ, môi trường,... cho hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao tại vùng sản xuất giống, khu nông nghiệp công nghệ cao theo quy định.

2. Nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ

2.1. Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, chọn tạo và sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản tạo điều kiện cho các viện, trường, trung tâm và doanh nghiệp trong đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực.

Sưu tập, nhập nội một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản năng suất cao, chất lượng tốt có giá trị kinh tế cao nhằm đa dạng hóa nguồn gen quý phục vụ công tác chọn tạo giống mới.

2.1.1. Về cây trồng

Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong nghiên cứu chọn tạo giống: Công nghệ sinh học, công nghệ chuyển gen, nuôi cấy mô tế bào, chỉ thị phân tử, chiếu xạ gây đột biến, lai hữu tính để tạo giống cây trồng mới có chất lượng cao.

Chọn tạo và phát triển các giống cây trồng mới năng suất, chất lượng cao, có giá trị thương phẩm cao, chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất lợi, cải tiến tính trạng các giống cây trồng như: cây rau, hoa lan, mai vàng, hoa nèn, cây ăn quả và một số cây trồng khác có chất lượng cao và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tổ chức nghiên cứu, dẫn nhập các cây xanh bóng mát phù hợp với điều kiện Thành phố Hồ Chí Minh.

Ứng dụng công nghệ sinh học chọn lọc, tạo ra những giống nấm có năng suất, chất lượng cao đặc tính tốt, giá trị kinh tế và y sinh. Hoàn thiện quy trình tạo ra giống nấm gốc có giá trị.

2.1.2. Về vật nuôi

Quản lý đàn heo giống bằng công nghệ thông tin (phần mềm thu thập và quản lý cơ sở dữ liệu); đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

Ứng dụng nhanh công nghệ chọn tạo giống tiên tiến của thế giới bằng phương pháp BLUP và GEN BLUP, xây dựng hệ thống đánh giá di truyền cho các trại giống heo thuần trên toàn địa bàn Thành phố. Từ đó, xây dựng hệ thống giống theo mô hình một tháp giống 4 cấp chung cho toàn Thành phố, bao gồm cả trang trại vệ tinh, nhằm đánh giá di truyền thông qua chỉ số EBV kết hợp ứng dụng công nghệ sinh học về gen trong chọn lọc để cải thiện nhanh chất lượng đàn giống heo của Thành phố, tổ chức liên kết trao đổi, khai thác nguồn gen tốt giữa các trại giống.

Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử (công nghệ gen) để đánh giá tính trạng di truyền, chọn lọc cá thể có tính trạng tốt làm giống cụ kỳ, ông bà...xây dựng quản lý đàn heo giống bằng công nghệ thông tin (phần mềm thu thập và quản lý cơ sở dữ liệu).

Triển khai quản lý giống bò sữa, bò thịt theo phương pháp cải thiện chất lượng đàn bò (Dairy/Beef Herd Improvement - DHI/BHI), nhằm thu thập dữ liệu cá thể giống, các yếu tố ảnh hưởng đến cải thiện chất lượng đàn bò sữa (dinh dưỡng, chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng, thú y...), năng suất, chất lượng sữa tại các trại chăn nuôi. Tăng cường loại thải các cá thể năng suất kém, giữ lại đàn cao sản phù hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm để tiếp tục nhân giống. Đánh giá hiện trạng di truyền A1 - A2 của đàn bò sữa Thành phố để chọn đàn bò hạt nhân A2 chất lượng cao.

Tăng cường công tác quản lý giống bò sữa, bò thịt bằng cơ sở dữ liệu giống như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phương pháp tiên tiến trong đánh giá tiềm năng di truyền, ước tính giá trị giống (EBV), giúp việc chọn lọc và nhân giống đạt hiệu quả cao.

2.1.3. Về thủy sản

Nghiên cứu làm chủ và phát triển công nghệ chọn tạo giống bố mẹ và kỹ thuật sản xuất giống đối với giống thủy sản chủ lực nước ngọt, nước mặn lợ (tôm sú, tôm thẻ, tôm càng xanh, cá, giống nhuyễn thể...) và cá cảnh.

Nghiên cứu sinh sản nhân tạo một số cá cảnh có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục chọn lọc và phát triển các dòng cá bản địa; sử dụng kỹ thuật sinh học phân tử để đánh giá tính trạng di truyền các loài cá cảnh, tôm giống bố mẹ.

Tiếp tục nghiên cứu, thuần dưỡng và sinh sản nhân tạo các giống thủy sản đặc thù (tôm sú, tôm thẻ, cua biển, ghe, cá dứa, cá chìa vôi, sò huyết, nghêu,...) và cá cảnh có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; kết hợp đồng bộ quy trình nhân, nuôi dưỡng và an toàn dịch bệnh phục vụ sản xuất.

Kỹ thuật chuyển đổi giới tính bằng kích dục tố và kỹ thuật nhiễm sắc thể, công nghệ sinh học phân tử chuyển đổi giới tính tôm càng xanh toàn đực và cá rô phi đơn tính dòng Gift.

2.2. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản thương phẩm và bảo quản chế biến nông sản.

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản...) tại các quận, huyện còn diện tích đất sản xuất nông nghiệp tập trung trên đối tượng 05 sản phẩm chủ lực (rau quả, hoa kiểng, heo, bò sữa, tôm) và 01 sản phẩm tiềm năng (cá cảnh) của ngành nông nghiệp Thành phố.

Nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ tổng hợp và cơ giới hóa, tự động hóa quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản ... và thu hoạch, bảo quản, sơ chế, chế biến các loại sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn sinh học quy mô công nghiệp, trang trại đến năm 2025 nâng tỷ trọng giá trị nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên 50% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp Thành phố.

- Về trồng trọt: Ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ thủy canh, tưới nước tiết kiệm, hệ thống tưới tự động, hệ thống năng lượng mặt trời, cơ giới hóa (sử dụng máy cày, máy xới, máy phun thuốc,...), kỹ thuật sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật an toàn, xử lý giá thể, xử lý ra hoa, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng, chăm sóc, thu hoạch, sử dụng vật liệu trong bao gói sản phẩm; nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); quy trình công nghệ sản xuất cây trồng an toàn theo VietGAP,...

- Về chăn nuôi: Tự động hóa quá trình chăn nuôi quy mô công nghiệp, trang trại quy mô lớn khép kín đảm bảo an toàn sinh học, thiết bị tự động hóa, hệ thống đệm lót sinh học, hệ thống năng lượng mặt trời, công nghệ thông tin, công nghệ dọn phân bằng robot, có sử dụng hệ thống chuồng kín, hệ thống điều hòa nhiệt độ, độ ẩm phù hợp, hệ thống phân phối và định lượng thức ăn tại chuồng, hệ thống thu gom xử lý chất thải chăn nuôi tiên tiến, hiện đại đảm bảo điều kiện vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường...

- Về nuôi trồng thủy sản: Nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ nano, công nghệ RAS, tự động hóa,... trong nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh, tạo ra vacxin thể hệ mới phòng ngừa một số bệnh trong nuôi trồng thủy sản, công nghệ xử lý môi trường trong nuôi trồng một số loài thủy sản chủ lực.

Hoàn thiện các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã có và hiện đang triển khai trên thực tế tại các địa bàn quận, huyện, thông qua việc gắn kết với các viện, trường, các tổ chức khoa học và công nghệ, từ đó lựa chọn mô hình phù hợp để chuyên giao thông qua mạng lưới liên kết 4 nhà (nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông).

Tiếp nhận việc chuyển giao công nghệ tự động hóa, công nghệ cảm biến, công nghệ thông tin, công nghệ số và công nghệ hiện đại, tiên tiến khác từ nước ngoài phù hợp với điều kiện nông nghiệp tại Thành phố thông qua Sàn giao dịch công nghệ Thành phố. Hỗ trợ các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân hàng năm theo hình thức hợp tác công tư (nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, xây dựng quy trình, kỹ thuật, đào tạo, quảng bá,...; doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân chủ động thực hiện).

Thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu vùng sản xuất nông nghiệp an toàn; quản lý thông tin đất và sử dụng đất cho nông lâm nghiệp và thủy sản; giống cây trồng, phân bón; thông tin thị trường, xuất nhập khẩu hàng hóa nông lâm thủy sản; giống vật nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản), thức ăn chăn nuôi, thông tin chăn nuôi tại địa phương; dịch bệnh và diễn biến dịch bệnh; công nghệ cảm biến trong cảnh báo và kiểm soát ô nhiễm môi trường chăn nuôi, cơ sở giết mổ, công tác tiêm phòng dịch trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; quản lý tàu cá và sổ nhật ký đánh cá; hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quản lý thông tin sâu bệnh, dịch bệnh, công tác phòng bệnh cây trồng nông lâm nghiệp; hệ thống quản lý nông nghiệp thông minh; phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý đào tạo nghề.

Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp sạch (VietGAP, GlobalG.A.P, tiêu chuẩn hữu cơ...) trong quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng, tính năng vượt trội, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

Đề xuất, đặt hàng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tiếp nhận, chuyển giao, hợp tác trong quá trình triển khai áp dụng công nghệ. Ứng dụng khoa học, công nghệ đặc biệt là công nghệ thông tin trong nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2.3. Phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản

Tiếp tục hoàn thiện các quy trình chẩn đoán bệnh hại trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

Nghiên cứu, phát triển công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ chăm sóc và bảo vệ cây trồng nông, lâm nghiệp quy mô công nghiệp như phân bón vi sinh, thuốc trừ sâu sinh học, chế phẩm sinh học trong bảo quản, chế biến, xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm mang lại giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững.

Nghiên cứu, sưu tập, nhập nội các loài thiên địch trong công tác phòng trừ sinh vật hại đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

Nghiên cứu phát triển các vật liệu sinh học mới, ứng dụng công nghệ cao làm thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc tự nhiên, nghiên cứu sản xuất vắc - xin thú y. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ enzym, protein, vi sinh vật vào quy trình sản xuất các loại chế phẩm và thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có hiệu quả tiêu hóa cao nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng vật nuôi, nâng cao sức đề kháng đối với các yếu tố sinh học, phi sinh học, giúp sinh trưởng nhanh, hạ giá thành sản xuất, sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Phát triển hệ thống sản xuất, cung ứng và dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

Phát triển hệ thống sản xuất giống, hệ thống cung ứng và dịch vụ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản tập trung hình thành các vùng sản xuất giống; thành lập và phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, mạng lưới sản xuất, nhân giống; thành lập các hiệp hội sản xuất giống chuyên ngành (hiệp hội sản xuất giống hoa lan, giống rau, giống nấm, giống cá cảnh, giống bò sữa, bò thịt, giống heo,...); đầu tư mới, nâng cấp trang thiết bị, hiện đại hóa cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống; tạo điều kiện kết nối giữa cơ quan nghiên cứu với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất.

3.1. Đối với cây trồng

Phát triển cung cấp giống cho các tỉnh trên cơ sở điều tra nắm bắt số liệu về nhu cầu của các tỉnh, năng lực các phòng cây mô, vườn ươm cây con (hoa lan, cây kiểng, mai vàng... cây lâm nghiệp) hộ nông dân..., khả năng đáp ứng nhu cầu của Thành phố và các tỉnh.

Khai thác năng lực sản xuất của các phòng thí nghiệm nuôi cấy mô gắn với hệ thống vườn ươm trong dân. Nhập nội, mua bản quyền giống mới; nhập công nghệ sản xuất giống, công nghệ bảo quản, chế biến hạt giống theo hướng công nghiệp, hoàn thiện công nghệ sản xuất giống. Đầu tư mới, nâng cấp trang thiết bị, hiện đại hóa cơ sở sản xuất giống, phòng cấy mô; ứng dụng các phương pháp chọn tạo giống truyền thống kết hợp với phương pháp hiện đại (lai tế bào, chuyển gen, chỉ thị phân tử, nuôi cấy túi phấn, xử lý chiếu xạ gây đột biến, ...); đồng thời ứng dụng công nghệ nhân nhanh để tạo ra các giống rau, hoa, nấm có chất lượng phục vụ vào sản xuất.

3.2. Đối với vật nuôi

Triển khai nhập heo giống cụ kỵ (GGP) từ các nước có nền chăn nuôi tiên tiến, bao gồm 3 nhóm giống Yorkshire, Landrace, Duroc cho các trại giống, gắn với xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất và cung ứng nông sản từ sản xuất đến tiêu thụ, bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm đồng thời cung ứng con giống bố mẹ (PS) có năng suất, chất lượng tốt cho các trang trại, nông hộ chăn nuôi trên địa bàn Thành phố và các tỉnh Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ.

Nhập tinh heo giống thuần, tinh bò sữa cao sản nhiệt đới, tinh bò sữa cao sản phân biệt giới tính, tinh bò thịt cao sản phục vụ chăn nuôi giúp cải thiện chất lượng con giống, nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả trong chăn nuôi.

Đẩy mạnh công tác giống trong lai tạo thông qua nhập tinh, con giống bò sữa, bò thịt, heo có năng suất, chất lượng từ nước có nền chăn nuôi tiên tiến.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về giống vật nuôi và quản lý mức độ trang trại; ứng dụng công nghệ sinh học trong xác định gen chịu nhiệt trên bò sữa, gen tạo mỡ giắt trong thịt trên heo; ứng dụng công nghệ gen trong chọn giống, đánh giá giá trị gây giống.

Hỗ trợ người chăn nuôi Thành phố sử dụng heo giống bố mẹ từ các trang trại, xí nghiệp chăn nuôi trên địa bàn Thành phố có tham gia xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất và cung ứng trong nông nghiệp.

3.3. Đối với thủy sản

Rà soát nhu cầu, năng lực sản xuất giống cá cảnh, giống thủy sản thương phẩm, từ đó chuyển sang sản xuất ứng dụng công nghệ cao; tiếp nhận, nghiên cứu, chuyển giao quy trình, công nghệ sản xuất, nhân giống bằng phương pháp sinh học phân tử, ưu tiên những loại cá cảnh có giá trị, thủy đặc sản (cá dứa, cá chìa vôi, tôm, cua biển, sò huyết, nghêu,...).

Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất con giống thủy sản chủ lực của Thành phố vào Khu nông nghiệp công nghệ cao ngành thủy sản tại huyện Cần Giờ, nhằm đảm bảo chất lượng con giống, giảm giá thành và giảm chi phí vận chuyển.

Tái tạo nguồn lợi, phát triển các con giống đặc thù, quý hiếm tại địa phương có giá trị cao (như cá chìa vôi, cá dứa,...), trong đó nghiên cứu xác định đúng giống cá dứa thông qua việc giải mã, xác định gen và quy trình sinh sản, nhân giống, xây dựng thương hiệu cá dứa huyện Cần Giờ.

4. Khuyến nông, chuyển giao giống mới và kỹ thuật, công nghệ

Tăng cường công tác tiếp nhận, ứng dụng nhanh kết quả nghiên cứu tiên bộ khoa học công nghệ trong sản xuất giống, quy trình sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực, đặc thù có giá trị kinh tế cao trên địa bàn Thành phố. Thúc đẩy chuyển giao thông qua tập trung cho các dự án tiếp nhận công nghệ, hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm. Tiếp tục đa dạng hóa công tác sản xuất thử nghiệm, chuyển giao giống mới nhằm nâng cao năng suất sản phẩm, giá trị gia tăng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới khuyến nông thông qua đổi mới nội dung và phương pháp tập huấn, hội thảo, huấn luyện nhằm cung cấp thông tin, quảng bá giới thiệu giống mới, công nghệ mới đưa vào sản xuất, chuyên gia tiên bộ khoa học - công nghệ thông qua mô hình trình diễn khuyến nông hiệu quả, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế phát triển sản xuất.

Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực cho hoạt động khuyến nông. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế tham gia chuyển giao tiên bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, hình thành chuỗi giá trị cho sản phẩm nông nghiệp.

5. Đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao

Tập trung đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản (sản xuất, quản lý, kiểm định, kiểm nghiệm giống); công nghệ canh tác trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia chương trình đào tạo, huấn luyện công nhân, kỹ thuật viên trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

Đào tạo ngắn và dài hạn: Tuyển chọn sinh viên xuất sắc, cán bộ trẻ có năng lực để đào tạo dài hạn trong và ngoài nước (được đài thọ toàn phần hay một phần học phí), nhằm hình thành đội ngũ chuyên viên, chuyên gia có năng lực về lĩnh vực công nghệ sinh học, kỹ thuật nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế tạo máy móc phục vụ cho sản xuất, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông lâm thủy sản đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tổ chức cuộc hội thảo, hội chợ, các lớp tập huấn ngắn hạn giới thiệu công nghệ cao trong nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mở các lớp đào tạo nghề về công nghệ cao trong nông nghiệp, mở rộng và khuyến khích triển khai hoạt động ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao.

Triển khai chương trình đào tạo nghề nông nghiệp và nông thôn, trong đó hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý nông nghiệp cấp Thành phố, quận huyện, xã phường, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ doanh nghiệp, chủ trang trại; đào tạo công nhân lành nghề về kỹ thuật sản xuất, sơ chế biến và bảo quản sản phẩm cây trồng, vật nuôi theo quy trình và tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến, hiện đại.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho nông dân, thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đào tạo quản trị viên tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường công tác tập huấn, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm với những nước tiên tiến, có kinh nghiệm cao về quản lý giống vật nuôi, thủy sản, có điều kiện tương đồng với Việt Nam.

6. Nâng cao năng lực quản lý

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước theo phân cấp quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát giống từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông nhằm đảm bảo chất lượng giống, kể cả kiểm soát tốt dịch bệnh trên giống, nhất là giống sau nhập khẩu; khuyến cáo sử dụng giống phù hợp trong sản xuất, tránh hiện tượng đồng huyết trên vật nuôi hoặc thoái hóa giống.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước thông qua công tác đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên ngành giống; tổ chức chứng nhận chất lượng giá trị giống vật nuôi theo các phương pháp tiên tiến (BLUP và GEN BLUP,...); kiểm tra, kiểm nghiệm đánh giá chất lượng giống bằng các kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận đối với các đặc sản địa phương, sản phẩm chủ lực của Thành phố.

Kiện toàn các phòng khảo kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng giống; tiến hành bảo hộ quyền tác giả về giống cây trồng, vật nuôi. Tuyên truyền cho cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, thủy sản nhận thức đầy đủ về quản lý, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giống. Xây dựng hệ thống quản lý và bảo hộ các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế đối với các giải pháp, quy trình liên quan đến quá trình tạo ra giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

Tăng cường đưa cán bộ quản lý giống tham quan học tập kinh nghiệm sản xuất và quản lý giống ở nước ngoài (cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân), kết hợp giới thiệu các giống mới của Thành phố. Tuyên truyền, tập huấn các văn bản pháp quy giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện đúng các quy định Nhà nước; nâng cao nhận thức về giống cây, giống con cho người nông dân.

7. Phòng, trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản

Đối với cây trồng: Ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ enzym và protein, để tạo ra chế phẩm sinh học bảo vệ cây trồng; phát triển bộ kit để chẩn đoán,

giám định bệnh cây trồng; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ viễn thám trong quản lý và phòng trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng.

Đối với chăn nuôi: Ứng dụng công nghệ sinh học để chẩn đoán bệnh ở mức độ phân tử; sản xuất vắc - xin thú y, đặc biệt là vắc - xin phòng, chống bệnh cúm gia cầm, bệnh lở mồm, long móng, tai xanh ở gia súc và các bệnh nguy hiểm khác.

Đối với thủy sản: Ứng dụng một số loại kit để chẩn đoán nhanh bệnh ở thủy sản; ứng dụng sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản.

8. Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã, xây dựng chuỗi liên kết phát triển ổn định và bền vững

8.1. Về phát triển hợp tác xã

Triển khai có hiệu quả Đề án Phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Phát huy vai trò trung tâm hợp tác xã, xây dựng thành công mô hình hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; hỗ trợ hợp tác xã hoạt động hiệu quả, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý, điều hành hợp tác xã (phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu; phần mềm quản lý hoạt động của hợp tác xã); tổ chức liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; hỗ trợ đầu tư trang thiết bị sơ chế, đóng gói sản phẩm; các chính sách hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã nông nghiệp và các chính sách liên quan khác.

Khuyến khích người dân (có đất, nhưng không còn khả năng lao động) ký hợp đồng cho thuê hoặc góp đất hợp tác lâu dài với các hợp tác xã, doanh nghiệp (có vốn, công nghệ, ...), để đầu tư sản xuất giống và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

8.2. Về phát triển chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp an toàn

Liên kết các doanh nghiệp cung ứng giống và tiêu thụ sản phẩm của Thành phố với các hộ sản xuất nhỏ lẻ (trong và ngoài Thành phố), hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã. Tổ chức sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo chuỗi giá trị, liên kết từ khâu con giống - vật tư nông nghiệp - sản xuất - giết mổ, sơ chế, chế biến - phân phối, tiêu thụ, nhằm phát triển các dịch vụ sản xuất cung ứng giống cây trồng, vật nuôi; chủ động kiểm soát nguồn nguyên liệu, giá thành và chất lượng sản phẩm; xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Hỗ trợ chứng nhận nông sản đạt tiêu chuẩn VietGAP, quy chuẩn an toàn trên diện rộng; hệ thống dữ liệu nông sản và truy xuất nguồn gốc. Thiết lập hệ thống các điểm phân phối, cửa hàng tiện ích trung bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp Thành phố. Trong đó, tập trung đầu tư phát triển hệ thống các chuỗi cửa hàng cung ứng sản phẩm an toàn. Tổ chức đấu giá sản phẩm chăn nuôi tại các cơ sở giết mổ, chợ đầu mối nông sản.

9. Xúc tiến thương mại về giống, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

Duy trì tổ chức các chợ phiên, hội chợ, hội thi, đấu xảo giống định kỳ, trong đó có Hội chợ - triển lãm xúc tiến đầu tư giống nông nghiệp Thành phố, Festival hoa lan, Hội thi - triển lãm bò sữa Thành phố, Hội chợ triển lãm cá cảnh, nhằm quảng bá, giới thiệu giống mới, chuyển giao công nghệ, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm.

Tổ chức hội thảo, hội nghị giao lưu giữa các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh giống và nông nghiệp công nghệ cao với các hợp tác xã, trang trại, nông hộ; phổ biến về các hiệp định tự do thương mại, hợp tác song phương, đa phương..., nhằm xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp, nâng cao sức cạnh tranh và hướng tới mục tiêu xuất khẩu.

Khuyến khích các tổ chức khoa học trong và ngoài nước đầu tư các cơ sở nghiên cứu ứng dụng, trình diễn, chuyển giao cũng như tổ chức sản xuất các sản phẩm công nghệ cao. Tạo mối liên kết và quảng bá để thu hút các tổ chức, cá nhân có nhu cầu ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

Tạo điều kiện để công nghệ được thương mại hóa, đồng thời hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp tiếp nhận được công nghệ. Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân xúc tiến thị trường bằng nhiều hình thức, trong đó tổ chức đoàn công tác đi tham quan, học tập tại các Hội chợ giống quốc tế.

10. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ về giống; ưu tiên hợp tác trong đầu tư dây chuyền sản xuất giống, kỹ thuật sản xuất giống chất lượng cao.

Hợp tác với các chuyên gia (ngắn hạn hoặc dài hạn), các nhà khoa học có trình độ cao (trong và ngoài nước), am hiểu điều kiện phát triển nông nghiệp của Thành phố, có khả năng đưa ra các giải pháp công nghệ, nhằm ứng dụng công nghệ cao vào phát triển nông nghiệp.

11. Đẩy mạnh cải cách, hỗ trợ, cải thiện môi trường đầu tư sản xuất, nâng cao khả năng hội nhập quốc tế

Rà soát, đề xuất bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, gây phiền hà người dân và doanh nghiệp, đơn giản hoá các thủ tục công nhận và tái công nhận vùng sản xuất nông nghiệp an toàn và hỗ trợ kinh phí chứng nhận VietGAP cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt đối với các hộ sản xuất quy mô nhỏ.

Tiếp nhận, xử lý phản ánh của người dân, doanh nghiệp về quy định hành chính của ngành qua phần mềm đường dây nóng của Thành phố, tại bộ phận “một cửa”, trang thông tin điện tử.

Mời gọi các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, tham gia đầu tư, hỗ trợ vốn cho sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ và xuất khẩu. Khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới, tích hợp các xu hướng và thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0.

Định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của ngành; tăng cường hiệu quả cơ chế một cửa, tập trung vào các vấn đề về nguồn vốn đầu tư sản xuất, lãi suất tín dụng, chính sách đất đai, cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu, các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) và vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) trong hội nhập.

12. Các chính sách phát triển giống và nông nghiệp công nghệ cao

Ngoài áp dụng các cơ chế chính sách khuyến khích được quy định của trong Luật Công nghệ cao, Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thủy sản và của Nghị định Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cần quan tâm triển khai đến chính sách sau:

- Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố, trong đó nghiên cứu bổ sung nội dung thu hút đầu tư hiệu quả cho phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhất là lĩnh vực đất đai, vốn và khoa học, công nghệ.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi, trọng tâm là mối liên kết giữa nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với các doanh nghiệp cung ứng, tiêu thụ nông sản; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các cơ sở ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao khác, nhằm phát huy vai trò hạt nhân của mối liên kết khu và vùng trong chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị ngành hàng.

- Chính sách kích cầu đầu tư tạo điều kiện để thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước đầu tư dự án theo mô hình liên kết, mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và các mô hình tiên tiến hiện đại khác phù hợp vào phát triển giống cây trồng, vật nuôi và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ươm tạo doanh nghiệp.

- Các quy định liên quan cơ chế, chính sách ưu đãi tạo điều kiện mời gọi nhà đầu tư tham gia phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao vào đầu tư sản xuất tại các khu nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

- Cơ chế chính sách về vốn, bao gồm vốn tín dụng và vốn đầu tư, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ vốn đầu tư trong một số lĩnh vực trọng tâm như:

+ Bảo tồn, lưu giữ, đánh giá, khai thác nguồn gen; nghiên cứu chọn tạo, phục tráng, gia hóa giống; nhập nội, mua bản quyền giống mới, giống gốc (con giống và sản phẩm giống); chi phí sản xuất giống gốc, giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ, hạt lai F1; bình tuyển giống cây trồng, vật nuôi; chăm sóc vườn cây đầu dòng, vườn giống; nhập, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống; đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống; quản lý chất lượng giống.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan nghiên cứu, sản xuất, chế biến giống; xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất giống tập trung; trồng mới và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản; hỗ trợ đầu tư phòng thử nghiệm và kiểm nghiệm chất lượng giống.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này và căn cứ chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành, hàng năm xây dựng dự toán kinh phí, kế hoạch triển khai thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính cùng cấp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025. Định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh khi cần thiết. Trong đó tập trung một số nội dung sau:

- Phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường xác định các khu vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ổn định, lâu dài; xác định vùng đệm giữa các khu đô thị, địa giới hành chính của Thành phố với địa phương lân cận; nghiên cứu địa hình, thổ nhưỡng để có chiến lược, kế hoạch sản xuất nông nghiệp cho phù hợp.

- Tiếp tục phối hợp các viện trường,... nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ và nhập tinh, con giống, cây giống từ các nước có nền nông nghiệp tiên tiến cải thiện chất lượng con giống, cây giống có năng suất cao, chất lượng tốt, cung cấp giống cho thị trường Thành phố và các tỉnh.

- Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, công nghệ sinh học,... vào sản xuất, hình thành hệ thống sản xuất, cung ứng và dịch vụ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chất lượng cao trên địa bàn Thành phố. Nâng cao hoạt động mô hình kinh tế hợp tác, hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Định kỳ tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, giao lưu giữa các doanh nghiệp và người dân, phát triển thị trường tiêu thụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và sản phẩm nông nghiệp trong và ngoài nước.

- Triển khai nội dung, biện pháp nâng cao năng lực quản lý và bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích thu hút các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao gắn với thị trường tiêu thụ.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 theo quy định của Luật Chăn nuôi; tham mưu trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.

- Hàng năm, đề xuất kinh phí tổ chức thực hiện các nội dung được phân công theo Kế hoạch này gửi về Sở Tài chính để được bố trí kinh phí thực hiện vào dự toán ngân sách hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ban ngành xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung, giải pháp theo Kế hoạch; một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Rà soát và điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất phục vụ sản xuất nông nghiệp; vùng sản xuất giống cây trồng, vật nuôi và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tập trung phù hợp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chương trình, kế hoạch sản xuất nông nghiệp tại địa bàn quận, huyện quản lý.

- Tăng cường công tác quản lý về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn theo quy định. Đẩy mạnh công tác truyền thông đến người dân chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị; tích cực, tự nguyện tham gia mô hình kinh tế hợp tác, tham gia sản xuất liên kết chuỗi; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật, cơ giới hóa, ứng dụng chuyển giao sản xuất theo hướng giống và công nghệ cao.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các nội dung, giải pháp, cơ chế chính sách triển khai thực hiện Kế hoạch này có hiệu quả trên địa bàn quản lý. Cân đối và đề xuất nguồn ngân sách hàng năm (thông qua Sở Tài chính) để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phân công theo Kế hoạch này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, giải pháp và chính sách thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận đối với các đặc sản địa phương, sản phẩm chủ lực của Thành phố.

Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với sở ban ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về khả năng bố trí vốn trung hạn và hàng năm cho các dự án đầu tư thuộc kế hoạch triển khai chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan nghiên cứu điều chỉnh các hoạt động xúc tiến kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

5. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và sở ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện liên quan quản lý, sử dụng đất nông nghiệp theo đúng phân vùng quy hoạch được phê duyệt.

Phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định các khu vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong thời gian tới; xác định vùng đệm giữa các khu đô thị, địa giới hành chính của Thành phố với địa phương lân cận; nghiên cứu địa hình, thổ nhưỡng để có chiến lược, kế hoạch sản xuất nông nghiệp cho phù hợp. Hỗ trợ, hướng dẫn về thủ tục đất đai đối với các nhà đầu tư tham gia đầu tư phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao theo quy hoạch.

Chủ trì phối hợp với sở ban ngành, chính quyền địa phương tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động sản xuất nông nghiệp nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp vi phạm bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Sở Quy hoạch - Kiến trúc

Rà soát lại quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp trong công tác điều chỉnh quy hoạch và công bố, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp các quy hoạch phát triển đô thị trong từng giai đoạn cụ thể.

Căn cứ đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, nghiên cứu bổ sung hoặc điều chỉnh, cập nhật các nội dung của chương trình, kế hoạch nêu trên vào các Đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch Thành phố.

8. Sở Công Thương

Triển khai hiệu quả Chương trình xúc tiến công thương hàng năm, ưu tiên hỗ trợ phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ đối với các sản phẩm giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao.

Phối hợp, hỗ trợ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các hội thảo, hội nghị kết nối cung cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp theo nội dung phân công.

Theo dõi diễn biến thị trường, triển khai hiệu quả Chương trình bình ổn thị trường, đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa các mặt hàng nông sản.

9. Sở Xây dựng

Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các hướng dẫn về xây dựng các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ triển khai có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo, đài Thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về nội dung theo Kế hoạch, trong đó chú trọng tuyên truyền về các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao, tuyên truyền, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, các mô hình đạt năng suất và chất lượng gắn với công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm...

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối cung cấp thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo báo chí tuyên truyền kịp thời, chính xác và có hiệu quả về triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo phù hợp với thực tiễn các năm triển khai.

12. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao

Khai thác hiệu quả Khu Nông nghiệp Công nghệ cao đang hoạt động và tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng từ 2 - 3 khu Nông nghiệp Công nghệ cao mới.

Tiếp tục chủ trì, phối hợp thực hiện nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống cây trồng, nấm ăn, nấm dược liệu, vật nuôi, thủy sản chất lượng cao phục vụ phát triển nông nghiệp đô thị, công nghệ cao của Thành phố và các tỉnh thành trong khu vực và cả nước.

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong và ngoài nước; thu hút các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước đầu tư nghiên cứu, sản xuất giống, hình thành vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Chuyển giao các giải pháp kỹ thuật và công nghệ quản lý sản xuất, ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất giống, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp thông minh trên nền tảng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động môi trường.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho nông dân, thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp các kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng, nấm ăn, nấm dược liệu ứng dụng công nghệ cao. Trình diễn các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm phục vụ công tác tham quan, đào tạo tập huấn cho nông dân, hợp tác xã và các doanh nghiệp.

13. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ phát triển thị trường giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và sản phẩm nông, lâm, thủy sản trong và ngoài nước.

14. Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở /hộ trên địa bàn tiếp cận nguồn vốn thuộc các chính sách tín dụng ưu đãi trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do Trung ương và địa phương ban hành.

15. Hội Nông dân Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

Chỉ đạo các cấp hội cơ sở phối hợp với sở ban ngành và chính quyền địa phương:

- Tuyên truyền, phổ biến các nội dung, giải pháp của Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025. Vận động người nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Vận động người dân sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản nông nghiệp công nghệ cao tích cực tham gia mô hình kinh tế hợp tác trở thành thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã, tích cực tham gia sản xuất theo chuỗi liên kết, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến vào trong sản xuất nhằm mang lại hiệu quả cao.

16. Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp, viện, trường trên địa bàn Thành phố

Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tập trung xây dựng vùng sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phối hợp thu hút nhà đầu tư sản xuất, lai tạo giống ứng dụng công nghệ cao theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Các viện, trường, cơ sở khoa học trên địa bàn Thành phố đề xuất, tham gia các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, giải pháp và chính sách thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao. Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trong và ngoài nước, nhằm cải thiện chất lượng giống có năng suất cao, chất lượng tốt, cung cấp giống cho thị trường Thành phố và các tỉnh.

Các doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm thực hiện các quy định của nhà nước và tham gia tập huấn, đào tạo, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ. Đóng vai trò trung tâm trong ký kết hợp tác với nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, cung cấp vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm, hình thành chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý ngành hàng; đồng thời tiếp nhận kết quả, sản phẩm từ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Phối hợp các sở ban ngành, trung tâm, đơn vị, hợp tác xã triển khai thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

Trên đây là nội dung Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2021 - 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
 - Thường trực HĐND TP;
 - TTUB: CT; các PCT;
 - Văn phòng Thành ủy;
 - Ủy ban MTTQ và các đoàn thể TP;
 - Các Sở, Ban ngành;
 - UBND thành phố Thủ Đức;
 - UBND các quận - huyện;
 - VPUB: CVP, PCVP/KT;
 - Phòng KT, TH;
 - Lưu VT (KT/Linh). 09.
- (Đính kèm các Phụ lục)**

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hoan



Phụ lục I
MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số 393/L /KH-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Bảng 01: Giống cây trồng

STT	Mục tiêu đạt được đến năm 2025	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị thực hiện
I	Giống rau			
1	Chọn tạo giống mới	giống	2 - 3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao, viện, trường, doanh nghiệp, và hợp tác xã.
2	Chuyển giao giống mới vào sản xuất	giống	2 - 3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao, viện, trường, doanh nghiệp, và hợp tác xã.
3	Cung cấp hạt giống cho thị trường	tấn	300 - 400	Doanh nghiệp và hợp tác xã
II	Giống hoa, cây kiểng			
1	Chọn tạo giống mới	giống	2 - 3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao, viện, trường, doanh nghiệp, và hợp tác xã.
2	Chuyển giao giống mới vào sản xuất	giống	2 - 3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao, viện, trường, doanh nghiệp, và hợp tác xã.
3	Sản xuất giống hoa lan tại chỗ đáp ứng nhu cầu phát triển diện tích lan của Thành phố.	%	15 - 20	Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao, viện, trường, doanh nghiệp và hợp tác xã.
4	Cung ứng giống lan nuôi cấy mô cho thị trường.	triệu cây	10 - 15	Doanh nghiệp và hợp tác xã
5	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống hoa, cây kiểng invitro.	quy trình	3 - 4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao, viện, trường và doanh nghiệp

III	Giống cây được liệu				
1	Sưu tập lưu giữ bảo tồn nguồn gen	giống	150 - 200	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao.	
2	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng hoàn thiện các quy trình nhân giống cây được liệu có giá trị cao.	quy trình	3 - 4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao.	
IV	Giống năm ăn, năm được liệu (gọi chung là năm)				
1	Xây dựng bộ sưu tập giống năm, lưu giữ bảo tồn nguồn gen	giống	20	Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao.	
2	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để hoàn thiện giống năm gốc có giá trị cao.	giống	2 - 3	Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao.	
3	Nghiên cứu và hoàn thiện quy trình nhân giống năm ăn và năm được liệu tạo ra sản phẩm phơi năm chất lượng cao	quy trình	3 - 5	Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao.	
V	Giống cây lâm nghiệp				
	Sản xuất cây giống, trong đó khoảng 2 - 2,5 triệu cây giống lâm nghiệp cao sản, chất lượng cao	triệu cây/năm	4 - 5	Doanh nghiệp lĩnh vực giống cây lâm nghiệp.	

Bảng 02: Giống vật nuôi chủ yếu

STT	Mục tiêu đạt được đến năm 2025	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị thực hiện
I Giống heo				
1	Duy trì tổng đàn heo (rái sinh sản chiếm 20%, giống cụ kỵ (GGP) đạt 2.750 con).	con	200.000	Doanh nghiệp và hợp tác xã
2	Cải tiến nâng cao chất lượng giống phần đầu các cơ sở giống được quản lý dữ liệu.	%	50	Doanh nghiệp và hợp tác xã
3	Các cơ sở sản xuất giống heo trên địa bàn Thành phố được chứng nhận con giống theo các tiêu chuẩn hiện hành.	%	> 40	Doanh nghiệp, hợp tác xã
4	Các trang trại chăn nuôi quy mô lớn được chứng nhận con giống thuần.	%	60	Doanh nghiệp và hợp tác xã
5	Hình thành hệ thống tháp giống 4 cấp và cung cấp thị trường heo con giống.	con/năm	> 350.000	Doanh nghiệp và hợp tác xã
II Giống bò sữa				
1	Duy trì đàn bò sữa (cái sinh sản từ 65% - 70% và cái vắt sữa chiếm 50%).	con	60.000	Doanh nghiệp và hợp tác xã
2	Xây dựng đàn hạt nhân đạt tỷ lệ tổng đàn bò sữa Thành phố.	%	1 - 2	Doanh nghiệp và hợp tác xã
III Giống bò thịt				
1	Phát triển đàn bò thịt.	con	30.000 - 35.000	Doanh nghiệp và hợp tác xã
2	Cung cấp cho thị trường thịt bò hơi, 4.000 bò cái giống.	tấn	2.000	Doanh nghiệp và hợp tác xã
3	Cung cấp cho thị trường bò cái giống.	con	4.000	Doanh nghiệp và hợp tác xã

Bảng 03: Giống thủy sản chủ yếu

STT	Mục tiêu đạt được đến năm 2025	Đơn vị tính	Số lượng	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	Giống thủy sản nước ngọt			
1	Tổng số lượng sản xuất giống thủy sản nước ngọt chất lượng cao (cá rô phi đơn tính dòng Gift, cá điêu hồng, lươn, tôm càng xanh...); giống thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá lăng, cá chạch lấu... Trong đó: Cá rô phi đơn tính dòng Gift. Tôm càng xanh toàn đực.	tỷ con/năm	0,5 – 0,8	Doanh nghiệp và hợp tác xã
		triệu con	120 - 150	
		triệu Portlarve.	4	
II	Giống thủy sản nước mặn lợ			
1	Sản xuất thuần dưỡng tôm giống Portlarve	tỷ con/năm	0.5 - 1	Doanh nghiệp và hợp tác xã
2	Sản xuất giống nhuyễn thể (nghêu, sò huyết, ốc hương,...).	tỷ con/năm	30 - 40	Doanh nghiệp và hợp tác xã
3	Giống thủy sản nước mặn lợ khác.	triệu con/năm	200 - 300	Doanh nghiệp và hợp tác xã
II	Cá cảnh			
1	Tổng lượng sản xuất giống cá cảnh (cá đĩa, chép koi, cá rồng, hòa lan, hồng kim, bạch kim, bình tích, trân châu, mô ly, xiêm, ông tiên, ngựa vằn, la hán, phượng hoàng, neon,...).	triệu con/năm	220 - 260	Doanh nghiệp và hợp tác xã
2	Lượng cá cảnh giống xuất khẩu (Kim ngạch xuất khẩu đạt từ 25 - 30 triệu USD).	triệu con	28 - 32	Doanh nghiệp và hợp tác xã

Bảng 04: Giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

STT	Mục tiêu đạt được đến năm 2025	Đơn vị tính	Số lượng	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của Thành phố	%	50 - 60	Doanh nghiệp, hợp tác xã và nông hộ
II	Tỷ lệ các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông hộ ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mang tính công nghệ cao về giống, quy trình canh tác, công nghệ sau thu hoạch; cơ giới hoá, tự động hoá trong quá trình sản xuất chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, xử lý chất thải; các kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao trong quá trình sản xuất các đối tượng sản phẩm nông nghiệp chủ lực (rau quả, hoa kiếng, heo, bò sữa, tôm và cá cảnh) đạt như sau:			
	Doanh nghiệp	%	> 70	
	Hợp tác xã	%	> 15	
	Hộ nông dân	%	> 50	

Bảng 05: Đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao

STT	Mục tiêu đạt được đến năm 2025	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị thực hiện
	Đào tạo nguồn nhân lực nâng cao kỹ thuật, kỹ năng sử dụng vận hành công nghệ và làm chủ công nghệ trong lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và trong sản xuất và bảo quản nông sản; cập nhật thông tin kiến thức về tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, kỹ năng thực hành ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó, tập trung đào tạo cụ thể như sau:			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Hội nông dân Thành phố.
I	Đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (trong nước và ngoài nước) nông nghiệp công nghệ cao	người	10 - 15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, viện, trường.
II	Đào tạo thường xuyên nguồn nhân lực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			
1	Đào tạo thường xuyên theo yêu cầu đạt trình độ sơ cấp	người	2.400	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao.
2	Bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề, truyền nghề.	người	5.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Hội nông dân Thành phố.
3	Chương trình chuyên giao công nghệ mới tiên bộ khoa học kỹ thuật hiện đại cho cán bộ quản lý khoa học, cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật và chuyên viên, kỹ thuật viên.	lượt	1.500	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao.
4	Chương trình đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	lượt	10.000- 12.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Phụ lục II

CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CỦA KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số 3931L /KH-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Bảng 01: Các chương trình, đề án, kế hoạch tiếp tục triển khai đến năm 2025

STT	Các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt tiếp tục triển khai	Đơn vị chủ trì thực hiện
1	Chương trình, đề án, dự án 1 Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Chương trình phát triển giống bò thịt trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2030. Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 20/1/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2019 - 2025 theo hướng cơ cấu lại và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 27/4/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Kế hoạch phát triển sản phẩm chủ lực Thành phố. Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 11 tháng 1 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Kế hoạch bố trí nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 11/07/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Đề án cơ cấu ngành chăn nuôi heo trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020-2025. Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 17/2/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Đề án Phát triển hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025". Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bảng 02: Rà soát và xây dựng mới chính sách, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch

STT	Các chính sách, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	Chính sách phát triển giống và nông nghiệp công nghệ cao	
1	Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị, công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, mô hình liên kết, mô hình mới phù hợp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi trên địa bàn Thành phố.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Chính sách kích cầu đầu tư của Thành phố	
II	Chương trình, đề án, dự án	
1	Rà soát Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2019 - 2025 theo hướng cơ cấu lại và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Rà soát Kế hoạch phát triển sản phẩm chủ lực của Thành phố giai đoạn 2021 - 2025.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Chương trình xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp và sản phẩm OCOP trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Đề án xây dựng thương hiệu vàng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp của Thành phố giai đoạn 2021 - 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Dự án nâng cấp, mở rộng các Khu Nông nghiệp công nghệ cao mới	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao
6	Dự án thực phẩm nông nghiệp an toàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Chương trình khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III	Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ	
	Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao.	Sở Khoa học và Công nghệ



Phụ lục III

PHÂN CÔNG NỘI DUNG THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA SỞ, NGÀNH

(Kính theo Kế hoạch số 3931/KH-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

STT	Đơn vị thực hiện	DVT	Số lượng
I	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	TRUNG TÂM GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI VÀ THỦY SẢN		
1.1	Nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng khu, vùng sản xuất giống và nông nghiệp công nghệ cao		
1.1.1	Xây dựng trại trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò thịt	nhiệm vụ	1
1.1.2	Nâng cấp trại trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao Israel	nhiệm vụ	1
1.2	Phát triển khoa học và công nghệ		
1.2.1	Lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi		
a	Giống cây trồng, nấm ăn, nấm dược liệu		
+	Sưu tập, bảo tồn		
+	Sưu tập bảo tồn giống rau	giống	40 - 50
+	Sưu tập và bảo tồn giống hoa, cây kiểng	giống	50 - 75
+	Sưu tập, cải tạo vườn cây ăn quả	giống	40 - 50
-	Nghiên cứu, chọn tạo các giống mới, phục tráng giống bản địa	nhiệm vụ	4
+	Khảo sát các dòng đưa leo trình sinh trong chọn tạo giống cây	nhiệm vụ	1
+	Xây dựng quy trình sản xuất dòng mẹ đơn tính cải trên cây đưa leo	nhiệm vụ	1
+	Chọn tạo giống rau F1 năng suất chất lượng tốt, kháng bệnh	nhiệm vụ	1
+	Phục tráng giống rau bản địa	nhiệm vụ	1
-	Nhân giống cây trồng, đánh giá tính thích nghi giống	nhiệm vụ	5
+	Ứng dụng invitro trong công tác nhân giống cây trồng, đánh giá tính thích nghi của giống	nhiệm vụ	5
+	Đánh giá tính thích nghi của các giống trên vùng	nhiệm vụ	1
+	Thử nghiệm trồng cây nông nghiệp trên đất nhiễm phèn	nhiệm vụ	1
+	Thử nghiệm giống hoa, kiểng mới	nhiệm vụ	1

+	Canh tác giống rau mới trên môi trường thủy canh kết hợp với hệ thống đèn led cải tiến	nhiệm vụ	1
b	Giống vật nuôi		
-	Công tác nhập nội, cải tiến giống, vật nuôi		
+	Nhập nội liệu tinh bò thịt cao sản	liều	14000
+	Bò sữa cao sản có nguồn gốc nhiệt đới và phân biệt giới tính	liều	80000
+	Liều tinh heo cao sản	liều	2400
-	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong công tác chọn tạo giống heo chất lượng cao	nhiệm vụ	3
+	Kiểm định giống heo theo phương pháp BLUP	nhiệm vụ	1
+	Xây dựng chương trình cải tiến di truyền đàn giống heo thuần tại 5 trại GGP, GP	nhiệm vụ	1
+	Tổ chức hội thảo triển khai	nhiệm vụ	1
1.2.2	Lĩnh vực sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản thương phẩm, bảo quản nông sản		
a	Ứng dụng năng lượng mặt trời tạo nguồn năng lượng phục vụ việc sản xuất giống cây trồng	nhiệm vụ	1
b	Đánh giá sự ảnh hưởng của tia quang phổ đến sự sinh trưởng và phát triển cây rau	nhiệm vụ	1
1.2.3	Đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao		
a	Học tập nâng cao kỹ năng lai tạo và sản xuất giống cây trồng	lượt	5
b	Tham quan học tập mô hình chăn nuôi công nghệ cao	chuyên	10
1.2.4	Xúc tiến thương mại		
	Hội chợ- triển lãm giống cây trồng vật nuôi nông nghiệp công nghệ cao.	lượt	5
2	TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC		
2.1	Phát triển khoa học và công nghệ		
2.1.2	Lĩnh vực giống cây, con		
	Giống cây trồng, nấm ăn và nấm dược liệu		
-	Sưu tập, lưu giữ nguồn gen	giống	110-155
	Sưu tập, lưu trữ, phát triển nguồn gen giống cây trồng chủ lực		
-	Nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng mới	nhiệm vụ	8
+	Chọn tạo giống mới thích nghi điều kiện khí hậu khu vực phía Nam	nhiệm vụ	3

+	Chọn tạo, dòng (giống) hoa, kiếng lá bằng phương pháp chiếu xạ gây đột biến, đa bội và phương pháp lai hữu tính	nhệm vụ	1
+	Nghiên cứu chuyển gen qua vi khuẩn <i>Agrobacterium</i> tạo rễ tơ và sản xuất sinh khối cây thành ngành (được liệu)	nhệm vụ	1
+	Ứng dụng chi thị phân tử trong công tác đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu di truyền bảo tồn, khai thác nguồn gen cây được liệu	nhệm vụ	1
+	Nghiên cứu tạo dòng cà chua kháng virus bằng công nghệ chỉnh sửa gen CRISPR/Cas9	nhệm vụ	1
+	Đa bội hóa cây sâm Ngọc Linh để tạo dòng sâm Ngọc Linh đa bội.	nhệm vụ	1
-	Nhân giống	nhệm vụ	3
+	Xây dựng quy trình công nghệ duy trì độ thuần giống bố mẹ và quy trình sản xuất hạt giống rau ăn quả F1 và phát triển giống mới	nhệm vụ	1
+	Nhân nhanh dòng tế bào sâm Ngọc Linh	nhệm vụ	1
+	Xây dựng quy trình nhân giống một số cây được liệu có giá trị	nhệm vụ	1
2.1.2	Vật nuôi và thủy sản	nhệm vụ	4
a	Vật nuôi	nhệm vụ	2
-	Ứng dụng công nghệ sinh học phân tử chọn tạo giống cá rô phi đỏ kháng virus TiLV, đàn heo có sức đề kháng tốt năng suất sinh sản cao và đàn bò sữa có năng suất sữa cao		
-	Sàng lọc bò sữa mang gen beta - casein A2 thuần chủng hình thành đàn bò sữa A2 tại Thành phố		
b	Thủy sản	nhệm vụ	2
-	Ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen định danh động vật thủy sản	nhệm vụ	1
-	Lưu giữ đông lạnh tinh trùng, trứng, bước đầu thiết lập quy trình thụ tinh trong ống nghiệm cá thần tiên	nhệm vụ	1
c	Lĩnh vực sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản thương phẩm và bảo quản nông sản		
-	Cây trồng	nhệm vụ	7
+	Phát triển quy trình phát hiện virus gây bệnh và sự kiện biến đổi gen (GMO) trên cây trồng bằng kỹ thuật sinh học phân tử	nhệm vụ	2
+	Nghiên cứu chuyển gen rễ tơ và sản xuất sinh khối cây được liệu	nhệm vụ	1
+	Hoạt động sản xuất nhà máy thực vật	nhệm vụ	1

+	Ứng dụng công nghệ chiếu xạ bảo quản nông sản	nhiệm vụ	3
-	Thủy sản	nhiệm vụ	3
+	Tạo chế phẩm vi sinh ứng dụng trong nuôi tôm	nhiệm vụ	1
+	Tạo chế phẩm vi sinh ứng dụng trong nuôi cá	nhiệm vụ	1
+	Tạo chế phẩm thảo dược ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản	nhiệm vụ	1
d	Đào tạo, tập huấn		
	Đào tạo nhân lực trong nước về giống cây, con	lớp	5-7
e	Phòng, trừ dịch hại cây, con	nhiệm vụ	10
-	Nghiên cứu chế phẩm phục vụ cây trồng	nhiệm vụ	6
-	Nghiên cứu chế phẩm phục vụ chăn nuôi, thủy sản	nhiệm vụ	6
+	Thiết lập quy trình tạo dung dịch kháng khuẩn khô từ nano bạc sát trùng bề mặt khu vực chăn nuôi	nhiệm vụ	1
+	Quy trình tạo chế phẩm Nano bạc trong chitosan khối lượng phân tử thấp và thử hoạt tính kháng virus gây bệnh Newcastle trên gia cầm	nhiệm vụ	1
+	Nghiên cứu chế phẩm nano bạc bằng phương pháp chiếu xạ phòng trị bệnh tiêu chảy ở gà.	nhiệm vụ	1
+	Nghiên cứu tạo kháng thể trong phòng trị bệnh gia súc gia cầm	nhiệm vụ	1
+	Nghiên cứu chế phẩm sinh học phòng trị bệnh do virus ở gia súc và gia cầm.	nhiệm vụ	1
+	Phát triển vacxin bất hoạt phòng bệnh trong nuôi trồng thủy sản	nhiệm vụ	1
f	Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế	cuộc	5 - 8
	Tham gia hội nghị - hội thảo trong, ngoài nước về lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi	cuộc	5 - 8
3	TRUNG TÂM TƯ VẤN HTNN		
3.1	Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã, xây dựng chuỗi liên kết phát triển ổn định bền vững		
	Hỗ trợ 916 nông hộ, cơ sở cấp giấy chứng nhận mới VietGAP, VietGAHP, HACCP ..., hỗ trợ 1.050 mẫu phân tích phục vụ công tác đánh giá chứng nhận.	hộ/ cơ sở	916
		mẫu	1050
3.2	Xúc tiến thương mại về giống, sản phẩm nông nghiệp	lượt	5

	Tổ chức hội chợ- triển lãm giống và nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ hàng năm	lượt	5
3.3	Xây dựng thương hiệu vàng ngành nông nghiệp số lượng từ 5 -10 thương hiệu giai đoạn 2021 - 2025	thương hiệu	5 -10
4	TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG		
4.1	Công tác khuyến nông, chuyên giao		
4.1.1	Thông tin tuyên truyền thông qua các lớp tập huấn, tham quan mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, hội thảo chuyên đề...		
a	Tập huấn	lớp	50
b	Tham quan, học tập về tổ chức sản xuất, ứng dụng quy trình, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả trên địa bàn Thành phố.	cuộc	26
c	Tham quan, học tập về tổ chức sản xuất, ứng dụng quy trình, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả tại các tỉnh.	cuộc	12
d	Hội thảo triển khai chuyên đề và hội thảo đầu bờ...	cuộc	28
e	Hội thảo tổng kết (cấp huyện)	cuộc	12
f	Hội thảo cấp thành phố	cuộc	5
4.1.2	Xây dựng mô hình trình diễn nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	mô hình	24
4.2	Đào tạo nguồn nhân lực		
	Đào tạo nguồn nhân lực ngắn hạn dưới 03 tháng cho nông dân ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TOF)	lớp	32
5	TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP		
	Đào tạo nguồn nhân lực		
5.1	Đào tạo nguồn nhân lực là nông dân ứng dụng công nghệ cao canh tác cây trồng, chăn nuôi và nấm ăn, nấm được liệu đạt trình độ sơ cấp (TOF)	lớp	80
5.2	Đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ cao trong canh tác cây trồng, chăn nuôi và nấm ăn, nấm được liệu đạt trình đào tạo ngắn hạn dưới ba tháng (TOT)	lớp	15
6	CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
6.1	Nâng cao năng lực quản lý		

		HTX	50
6.1.1	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động của hợp tác xã hiệu quả.		
6.1.2	Điều tra, khảo sát thực trạng các thành phần kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác, liên kết hợp tác xã với doanh nghiệp) về sản xuất giống và nông nghiệp công nghệ cao làm cơ sở nghiên cứu, đề xuất các giải pháp chính sách phát triển.	đợt	4
6.1.3	Điều tra đánh giá trình độ và năng lực sản xuất tổ chức cá nhân trong lĩnh vực diêm nghiệp	cuộc	2
6.2	Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã, xây dựng chuỗi liên kết phát triển ôn định và bền vững	nhiệm vụ	5
6.2.1	Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã lĩnh vực rau an toàn	nhiệm vụ	1
6.2.2	Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã lĩnh vực hoa kiếng	nhiệm vụ	1
6.2.3	Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã trong lĩnh vực bò sữa	nhiệm vụ	1
6.2.4	Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã lĩnh vực chăn nuôi heo	nhiệm vụ	1
6.2.5	Phát huy vai trò trung tâm hợp tác xã lĩnh vực cá cảnh	nhiệm vụ	1
6.3	Chính sách phát triển giống, nông nghiệp công nghệ cao	nhiệm vụ	6
6.3.1	Hỗ trợ phát triển giống và nông nghiệp công nghệ cao trong lĩnh vực rau an toàn	nhiệm vụ	1
6.3.2	Hỗ trợ phát triển giống nông nghiệp công nghệ cao trong lĩnh vực chăn nuôi bò sữa	nhiệm vụ	1
6.3.3	Nghiên cứu bổ sung, xây dựng chính sách kích cầu đầu tư trong sản xuất giống và nông nghiệp công nghệ cao.	nhiệm vụ	1
6.3.4	Liên kết sản xuất hình thành chuỗi giá trị hàng hóa	nhiệm vụ	1
6.3.5	Phát triển và hình thành thành phần kinh tế tư nhân	nhiệm vụ	1
6.3.6	Nghiên cứu bổ sung hoặc xây dựng chính sách kích cầu đầu tư trong sản xuất giống và nông nghiệp công nghệ cao.	nhiệm vụ	1
7	CHI CỤC CHĂN NUÔI THÚ Y		
7.1	Công tác chuyển giao	nhiệm vụ	5
	Tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao cho cán bộ kỹ thuật hợp tác xã, trang trại, người dân; xây dựng thông tin tuyên truyền thông qua phương tiện đại chúng	nhiệm vụ	5
7.2	Đào tạo nguồn nhân lực		
	Đào tạo trong nước và ngoài nước cho đội ngũ cán bộ nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn lĩnh vực chăn nuôi, thú y	lượt	550 - 600
7.3	Nâng cao năng lực quản lý		

7.3.1	Thực hiện công tác giám định, bình tuyển con giống	nhệm vụ	4
7.3.2	Điều tra, khảo sát tình hình ứng dụng công nghệ cao	đợt	3
8	CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT		
8.1	Công tác quản lý giống cây trồng	đợt	8
8.1.1	Điều tra các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống trên địa bàn Thành phố để xây dựng cơ sở dữ liệu về giống cây trồng (01 đợt/năm)	đợt	4
8.1.2	Điều tra tình hình nuôi cấy mô thực vật trên địa bàn thành phố (01 đợt/năm).	đợt	4
8.2	Điều tra tình hình ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt (01 đợt/ 2 năm)	đợt	2
8.3	Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao		
	Tham quan học tập kinh nghiệm quản lý và ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt tại một số địa phương có thể mạnh trong nước (01 đợt/ năm).	đợt	4
9	CHI CỤC THỦY SẢN		
9.1	Giống thủy sản		
	Đề xuất đặt hàng nghiên cứu sinh sản nhân tạo cá chia vôi, cá dứa... và sinh sản nhân tạo cá kiếng có giá trị	nhệm vụ	3
9.2	Công tác tuyên truyền, hội nghị nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao cho cán bộ kỹ thuật hợp tác xã, trang trại cho người dân lĩnh vực thủy sản	lớp	4
9.3	Đào tạo trong và ngoài nước cho đội ngũ cán bộ và nâng cao năng lực quản lý ứng dụng các mô hình nuôi biển công nghệ tiên tiến kỹ thuật hiện đại	lượt	120 -140
9.3.1	Trong nước (15 người/ lớp)	lớp	8
9.3.2	Ngoài nước	lượt	20
9.3.3	Đào tạo công nghệ cao lĩnh vực thủy sản cho cán bộ (10 lượt/ năm)	lượt	40
9.4	Công tác điều tra công nghệ cao lĩnh vực thủy sản	đợt	3
II	BAN QUẢN LÝ KHU NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO		
I	Nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng khu, vùng sản xuất giống và nông nghiệp công nghệ cao (Các dự án có chủ trương và đang thực hiện)		

1.1	Dự án đầu tư xây dựng Khu Nông nghiệp Công nghệ cao ngành thủy sản tại huyện Cần Giờ.	dự án	1
1.2	Dự án Đầu tư mở rộng Khu Nông nghiệp Công nghệ cao ngành trồng trọt, chế phẩm sinh học (Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 của Hội đồng nhân dân thành phố).	dự án	1
1.3	Dự án mở rộng Khu Nông nghiệp Công nghệ cao (23,3ha) tại xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi.	dự án	1
1.4	Dự án Đầu tư trang thiết bị nhân giống, kiểm soát bệnh và mô hình sản xuất thủy sản ứng dụng công nghệ cao tại Cần Giờ.	dự án	1
1.5	Dự án xây dựng Trung tâm Dạy nghề Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.	dự án	1
2	Phát triển khoa học và công nghệ		
2.1	Lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi	nhiệm vụ	16
2.1.1	Giống cây trồng, nấm ăn và nấm dược liệu	nhiệm vụ	10
a	Sưu tập, bảo tồn	nhiệm vụ	1
	Thu thập, duy trì giống cây có mùi nhập nội chất lượng cao, kháng bệnh và đánh giá tính thích nghi ở khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên	nhiệm vụ	1
	Thu thập giống hoa lan <i>Grammatophyllum speciosum blume</i> và bước đầu tạo nguồn nguyên liệu in vitro phục vụ cho quá trình nhân giống	nhiệm vụ	1
b	Chọn tạo giống mới, phục tráng giống bản địa	nhiệm vụ	13
	Điều tra thu thập và phục tráng giống cải bẹ xanh, mướp hương và bầu sao bản địa phục vụ công tác bảo tồn gen và chọn tạo giống	nhiệm vụ	1
	Nghiên cứu chọn lọc và phát triển giống rau bản địa (cải bẹ xanh nõng, xà lách mỡ, quế vị, tần ô, rau xà lách xoong, cải trời...) và sản xuất thử nghiệm hạt giống	nhiệm vụ	5
	Chọn lọc và lai tạo giống lan Ngọc điểm bản địa (Krongpa Gia Lai) phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	nhiệm vụ	1
	Nghiên cứu chọn tạo các dòng biến dị trên lan rừng Gia hạc xuân (<i>Dendrobium anosmum Lindl.</i>) bằng Ethyl methane sulphonate (EMS) và chiếu xạ tia gamma Co60	nhiệm vụ	3
	Chọn tạo tự nhiên giống nấm linh chi	nhiệm vụ	1
	Nhập nội, khảo nghiệm nuôi trồng một số giống nấm ăn có giá trị kinh tế chưa được nuôi trồng hàng loạt: mao mộc nhĩ; nấm <i>Lyophyllum shimeji</i> ; và nấm chân xanh	nhiệm vụ	3

	Thử nghiệm và phát triển các quy trình kỹ thuật chuẩn UPOV (International Union for the Protection of New Varieties of Plants) DUS (Distinction, Uniformity, Stability) để đánh giá chất lượng giống nấm ăn phù hợp với điều kiện Việt Nam	nhiệm vụ	1
	Phát triển các marker sinh hóa để đánh giá chất lượng giống nấm trên nhóm nấm bào ngư (<i>Pleurotus</i> spp.), nấm mèo (<i>Muricula</i> spp.), nấm linh chi (<i>Ganoderma</i> spp.), nấm hương (<i>Lentinula</i> spp.)	nhiệm vụ	3
c	Công tác nhân giống, đánh giá tính thích nghi giống triển vọng và sản xuất giống.		
	Nghiên cứu sản xuất giống rau ăn lá, rau ăn trái phục vụ canh tác theo tiêu chuẩn hữu cơ	nhiệm vụ	1
	Chương trình trồng thử nghiệm một số giống cà chua bi nhập nội trong nhà màng	nhiệm vụ	1
	Nghiên cứu nhân giống in vitro cây rong nho và khảo sát điều kiện trồng ở Cần Giờ	nhiệm vụ	2
	Thu thập, lưu giữ, nghiên cứu biện pháp kỹ thuật trồng và nhân giống một số giống hoa nền thích hợp với điều kiện Thành phố Hồ Chí Minh	nhiệm vụ	1
	Chương trình sản xuất cây lan Dendrobium và lan Kiếm từ giống nuôi cấy mô	nhiệm vụ	1
	Tuyển chọn và xây dựng quy trình nhân giống một số loài Dendrobium năng xưa có giá trị kinh tế cao ứng dụng hệ thống nuôi cấy ngập chìm tạm thời RITA	nhiệm vụ	1
	Thu thập và nghiên cứu nhân giống in vitro các dòng kiếng lá <i>Monstera</i> sp.	nhiệm vụ	2
	Xây dựng quy trình nhân nuôi sinh khối và tách chiết một số chất có hoạt tính sinh học từ cây Khôi tía <i>Ardisia silvestris</i> Pitard	nhiệm vụ	1
	Sản xuất thử nghiệm sinh khối đũa cựa (<i>Catharanthus roseus</i> (L.)) quy mô pilot và tách chiết một số chất có hoạt tính sinh học	nhiệm vụ	1
	Xây dựng quy trình nhân giống cây YAM bằng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật	nhiệm vụ	1
	Xây dựng quy trình nhân giống cây Sâm Cau bằng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật và quy trình tách chiết hoạt chất và chế biến sau thu hoạch từ cây Sâm Cau	nhiệm vụ	1
2.1.2	Giống vật nuôi, thủy sản		6
a	Nghiên cứu quy trình công nghệ ương giống cá Chình hoa	nhiệm vụ	1
b	Nhân giống cá chạch lấu	nhiệm vụ	1
c	Cải thiện tỷ lệ sống trong ương nuôi cá chạch lấu (<i>Mastacembelus favus</i>)	nhiệm vụ	1

d	Điều tra, thu thập và bước đầu thăm dò sinh sản nhân tạo cá hồng két (<i>Amphilophus labiatus</i> X <i>Heros severus</i>) tại thành phố Hồ Chí Minh	nhiệm vụ	1
e	Khảo sát kiểu hình và thực nghiệm sinh sản cá vàng Oranda	nhiệm vụ	2
f	Sinh sản nhân tạo của cá hồng két	nhiệm vụ	1
g	Ứng dụng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng huyện Cần Giò phục vụ phát triển kinh tế biển và nông nghiệp công nghệ cao	nhiệm vụ	2
h	Nghiên cứu quy trình nhân giống gà Pháp Bresse phục vụ nuôi khai thác trứng quy mô 10.000 con	nhiệm vụ	1
i	Cải thiện các thông số kỹ thuật nhằm tăng tỉ lệ sống trong sản xuất giống của biển (<i>Scylla paramamosain</i>)	nhiệm vụ	1
j	Thu thập và nghiên cứu thăm dò sinh sản nhân tạo giống cá chuột mỹ (<i>Chromobotia macracanthus</i> Bleeker, 1852)	nhiệm vụ	1
k	Ứng dụng công nghệ vi phẫu trong sản xuất giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) toàn đực	nhiệm vụ	1
l	Cải thiện một số kỹ thuật trong khâu ương giống; Cải tiến quy trình sản xuất giống; Hoàn thiện quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm Hậu Thái Bình Dương	nhiệm vụ	3
2.2	Lĩnh vực sản xuất cây, con thương phẩm và bảo quản nông sản	nhiệm vụ	1
	Nghiên cứu quy trình bảo quản, chế biến một số sản phẩm từ củ sắn đất		
	Xây dựng quy trình thu hoạch, bảo quản Nhộng trùng thảo nhằm tăng thời gian tồn trữ và duy trì chất lượng sau thu hoạch	nhiệm vụ	2
	Xây dựng quy trình thu hoạch, bảo quản cây Đấng sâm nhằm tăng thời gian tồn trữ và duy trì chất lượng sau thu hoạch	nhiệm vụ	2
	Nghiên cứu phát triển đa dạng hóa sản phẩm thực phẩm từ bươi da xanh được trồng tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận	nhiệm vụ	1
	Xây dựng quy trình thu hoạch, bảo quản nấm hầu thủ nhằm tăng thời gian tồn trữ và duy trì chất lượng sau thu hoạch	nhiệm vụ	2
3	Công tác xây dựng và chuyển giao mô hình/quy trình nông nghiệp công nghệ cao	mô hình	54

3.1	Quy trình lựa chọn giống sả có năng suất, chất lượng để xây dựng mô hình trồng sả dùng làm nguyên liệu chiết xuất tinh dầu tại Tỉnh Phú Yên	mô hình	1
3.2	Mô hình sản xuất giống ớt và trồng ớt thương phẩm	mô hình	2
3.3	Xây dựng mô hình trồng rau ăn lá theo phương pháp canh tác thủy canh trong nhà màng	mô hình	3
3.4	Mô hình trồng rau ăn quả ứng dụng công nghệ cao	mô hình	2
	Mô hình kỹ thuật tưới thông minh cho rau ăn lá	mô hình	1
3.5	Thử nghiệm mô hình sản xuất cây rau (mồng tơi, cải xà lách, cải bẹ xanh, cải thìa) theo tiêu chuẩn hữu cơ của Nhật Bản (JAS)	mô hình	1
	Thử nghiệm mô hình sản xuất rau cải ngọt (<i>Brassica integrifolia</i>) trong nhà màng theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ Nhật Bản (JAS) tại TP. Hồ Chí Minh	mô hình	1
	Thử nghiệm mô hình sản xuất đậu bắp (<i>Hibiscus esculentus</i> L.) theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ Nhật Bản (JAS) tại TP. Hồ Chí Minh	mô hình	1
	Thử nghiệm mô hình sản xuất rau gia vị theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ Nhật Bản (JAS) tại TP. Hồ Chí Minh	mô hình	1
	Thử nghiệm mô hình ứng dụng chế phẩm công nghệ vi sinh EM trong quá trình ủ phân bò để sản xuất rau dền (<i>Amaranthus</i> sp.) hữu cơ	mô hình	1
	Thử nghiệm mô hình ứng dụng chế phẩm công nghệ vi sinh EM trong quá trình ủ phân bò để sản xuất rau gia vị hữu cơ	mô hình	1
	Thử nghiệm mô hình ứng dụng chế phẩm công nghệ vi sinh EM trong quá trình ủ phân bò để sản xuất rau cây được liệu	mô hình	1
3.6	Mô hình trồng hoa lan ngọc điểm	mô hình	1
3.7	Mô hình trồng hoa lan giả hạc	mô hình	1
3.8	Mô hình nhân giống và phát triển giống lan giả hạc bằng nuôi cấy mô trên đĩa petri Phú Yên	mô hình	1
3.9	Xây dựng mô hình trồng giống xoài mặt trời theo hướng hữu cơ.	mô hình	2
	Thử nghiệm mô hình sản xuất cây được liệu theo chuẩn nông nghiệp hữu cơ Nhật Bản (JAS) tại Thành phố. Hồ Chí Minh	mô hình	1
3.10	Xây dựng mô hình trồng nấm ăn và nấm được liệu	mô hình	2

3.11	Xây dựng mô hình ảnh hưởng chất điều hòa sinh trưởng thực vật đến tăng sinh chồi và tạo rễ invitro của cây xạ đen	mô hình	1
3.12	Xây dựng quy trình công nghệ nhân giống và sản xuất nấm hoàng đế thương phẩm tỉnh Phú Yên	mô hình	1
3.13	Mô hình kỹ thuật tưới thông minh cho rau ăn lá	mô hình	1
3.14	Mô hình nuôi thương phẩm cá chình hoa	mô hình	1
3.15	Mô hình nuôi thương phẩm lươn vàng (<i>Monopterus albus</i>) không bùn trong bể nổi	mô hình	1
3.16	Xây dựng mô hình cá chạch lấu ứng dụng công nghệ cao	mô hình	2
3.17	Mô hình nuôi cá dứa sông trong ao đất	mô hình	1
3.18	Mô hình nuôi cá ngừ thương phẩm trong bể	mô hình	1
3.19	Mô hình nuôi thủy sản theo hệ thống tuần hoàn RAS	mô hình	1
3.20	Xây dựng mô hình sinh sản giống của biên quy mô 5000.000 con/năm tại huyện Cần Giờ	mô hình	3
3.21	Mô hình ứng dụng công nghệ bọt khí siêu nhỏ cải thiện chất lượng môi trường nước ao nuôi tôm thâm canh tuần hoàn tại huyện Cần Giờ	mô hình	1
3.22	Mô hình nuôi cua gạch trong ao liên kết tiêu thụ sản phẩm tại huyện Cần Giờ	mô hình	1
3.23	Nuôi lươn Nhật Bản với quy mô 4 tấn/năm	mô hình	1
3.24	Mô hình nuôi cua lột trong ao, ứng dụng công nghệ thông minh kiểm soát môi trường tại huyện Cần Giờ	mô hình	1
3.25	Mô hình nuôi cua lột trong bể lọc sinh học tuần hoàn	mô hình	1
3.26	Mô hình nuôi cá kiếng nước lợ, nước mặn có giá trị	mô hình	1
3.27	Mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm	mô hình	1
3.28	Triển khai mô hình ứng dụng công nghệ sinh học xử lý nước nuôi tôm và nước thải sau nuôi	mô hình	1
3.29	Ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường xử lý chất thải rắn trong nuôi tôm, cá	mô hình	1
	Thử nghiệm mô hình nuôi cá chình mun thâm canh ứng dụng công nghệ cao	mô hình	1
3.30	Mô hình nuôi cá biển (cá dứa, cá sứa, cá tráp, ...) có giá trị nuôi trong ao, bể	mô hình	1
3.31	Mô hình thử nghiệm trồng tảo xoắn spirulina để chế biến thành thực phẩm chức năng	mô hình	1

3.32	Mô hình thử nghiệm rong nho làm thực phẩm chức năng có hàm lượng dinh dưỡng cao	mô hình	1
4	Phòng, trừ dịch hại cây trồng, vật nuôi, thủy sản		
4.1	Cây trồng	nhiệm vụ	10
4.1.1	Xây dựng mô hình nhân giống nấm mốc xạ khuẩn và ứng dụng sản xuất compost hữu cơ vi sinh phục vụ nền nông nghiệp hữu cơ	nhiệm vụ	1
4.1.2	Sản xuất thử nghiệm phân bón hữu cơ thông minh	nhiệm vụ	1
4.1.3	Hoàn thiện công nghệ sản xuất các loại chất điều hòa sinh trưởng (Triacontanol) và các hợp chất thiên nhiên dạng đậm đặc phục vụ nông nghiệp sinh thái	nhiệm vụ	3
4.1.4	Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất dịch đậm hữu cơ trùn quế, phế phẩm nhà máy chế biến thịt, cá, rác thực phẩm phục vụ nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị và kinh tế tuần hoàn.	nhiệm vụ	1
	Xây dựng quy trình multiplex realtime PCR phát hiện virus gây hại trên cây Địa lan (<i>Cymbidium</i>) có giá trị kinh tế cao	nhiệm vụ	2
	Nghiên cứu tạo chế phẩm vi sinh hỗn hợp có khả năng cố định đạm, hòa tan lân, kali, silic và phân hủy chất hữu cơ cho cây trồng	nhiệm vụ	3
	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học hỗ trợ sinh trưởng cây trồng trên đất nhiễm mặn	nhiệm vụ	3
	Nghiên cứu nhân nuôi và sử dụng vi khuẩn <i>Rhodobacter</i> để xử lý chất hữu cơ và sulfide trong nước	nhiệm vụ	1
	Xây dựng quy trình đông khô vi khuẩn tia <i>Rhodobacter</i> nhằm sản xuất chế phẩm probiotic khử các độc tố trong nước	nhiệm vụ	1
	Ứng dụng thử nghiệm công nghệ nuôi trùn quế tạo ra sản phẩm có hàm lượng acid humic và acid fulvic cao làm phân bón hữu cơ cho cây trồng	nhiệm vụ	1
4.1.5	Nghiên cứu quy trình kỹ thuật chẩn đoán sớm ruồi đục quả trên quả tươi	nhiệm vụ	1
4.2	Chăn nuôi		
	Thử nghiệm ứng dụng peptide tăng cường miễn dịch chăn nuôi heo.	nhiệm vụ	1
	Nghiên cứu tạo chế phẩm dịch Trùn Quế (<i>Perionyx excavatus</i>) kết hợp vi khuẩn có lợi hỗ trợ trong giai	nhiệm vụ	1

	đoạn sinh trưởng của gà thả vườn		
	Xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm xử lý đậy ao nuôi tôm từ vi sinh vật kết hợp enzyme bằng công nghệ lên men tự động và thử nghiệm chế phẩm trên ao nuôi quy mô 2000m ²	nhiệm vụ	1
5	Đào tạo, tập huấn		
5.1	Đào tạo dưới 3 tháng		
	Kỹ thuật trồng hoa đồng tiền, hồng môn ứng dụng công nghệ cao	lớp	4
	Kỹ thuật trồng và chăm sóc Lan Dendrobium và Mokara cắt cành ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Sản xuất rau ăn lá ứng dụng công nghệ cao	lớp	3
	Sản xuất rau ăn quả ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Sản xuất rau theo hướng hữu cơ	lớp	3
	Sản xuất nấm rom ứng dụng công nghệ cao	lớp	3
	Sản xuất nấm bào ngư	lớp	1
	Sản xuất nấm linh chi	lớp	1
	Kỹ thuật nuôi cá cảnh đẻ trứng ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Kỹ thuật nuôi lươn thương phẩm ứng dụng công nghệ cao	lớp	4
5.2	Tập huấn		
	Sản xuất rau cải ngọt ứng dụng công nghệ cao	lớp	1
	Sản xuất rau cải xanh ứng dụng công nghệ cao	lớp	1
	Sản xuất rau xà lách ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Sản xuất rau ăn dền ứng dụng công nghệ cao	lớp	1

	Sản xuất rau tía tô ngọt ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Sản xuất cà chua ứng dụng công nghệ cao	lớp	3
	Sản xuất dưa lưới ứng dụng công nghệ cao	lớp	3
	Sản xuất dưa leo ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Sản xuất ớt ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Kỹ thuật trồng hoa đồng tiền ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Kỹ thuật trồng hoa hồng môn ứng dụng công nghệ cao	lớp	2
	Xử lý đất và ủ phân cho canh tác hữu cơ	lớp	4
	Sản xuất giống và nuôi cá chạch lâu thương phẩm	lớp	4
III	HỘI NÔNG DÂN THÀNH PHỐ		
1	Đào tạo nguồn nhân lực		
1.1	Tổ chức các lớp đào tạo nghề ngắn hạn cho nông dân về lĩnh vực giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao	lớp	240
1.2	Tổ chức nông dân đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về nông nghiệp trong và ngoài nước	chuyên	20
1.2.1	Trong nước	chuyên	15
1.2.2	Ngoài nước	chuyên	5
1.3	Tập huấn, hội thảo tạo đàm về xúc tiến thương mại, du lịch cộng đồng và nông dân khởi nghiệp		
1.3.1	Tập huấn	lớp	25
1.3.2	Hội thảo	cuộc	15
2	Xúc tiến thương mại, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao	lần	15
2.1	Tổ chức 05 lần tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu do Trung ương Hội nông dân Việt Nam và Hội nông dân Thành phố thực hiện 1 lần/năm	lần	5

2.2	Hỗ trợ nông dân về tiêu thụ sản phẩm thông qua tuần lễ “ Kết nối cung cấp sản phẩm nông sản chủ lực và sản phẩm OCOP Thành phố Hồ Chí Minh (ít nhất 2 lần/ năm).	lần	10
3	Khuyến nông, chuyển giao	lần	7
3.1	Tổ chức hội thi kiến thức và sáng tạo nhà nông (2 năm/ 1 lần)	lần	2
3.2	Hợp mặt câu lạc bộ nông dân sản xuất giỏi (1 lần/năm) nhằm trao đổi kiến thức kỹ năng của nông dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	lần	5
IV	SỞ CÔNG THƯƠNG		
1	Xúc tiến thương mại, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao	lượt	5
	Hội nghị kết nối cung - cầu hàng hóa giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành khác	lượt	5
V	SỞ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG		
1	Nội dung tuyên truyền	nhiệm vụ	4
1.1	Thực hiện công tác tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng qua cơ quan báo chí xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, các tin, bài, phóng sự, tài liệu tuyên truyền phổ biến về đẩy mạnh nông nghiệp công nghệ cao	nhiệm vụ	1
1.2	Tập huấn đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên về “Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030”.	nhiệm vụ	1
1.3	Hội nghị nói chuyện chuyên đề tại các địa bàn trọng điểm tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương đối với “Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030”.	nhiệm vụ	1
1.4	Tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác tuyên truyền “Chương trình phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030	nhiệm vụ	1
VI	BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM		
VI.1	Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã, xây dựng chuỗi liên kết phát triển ổn định bền vững		

	Tập huấn các cơ sở tham gia chuỗi thực phẩm an toàn	lớp	10
	Hội thảo, hội nghị chuyên đề về công tác phát triển chuỗi thực phẩm an toàn	cuộc	5
VII	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN		
1	Phát triển hệ thống sản xuất và cung ứng và dịch vụ giống cây, con		
1.1	Nhập heo giống GGP heo giống đực và heo giống cái	con	600
1.2	Nhập tinh cọng ra nhằm để cải thiện giống heo	liều	300

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Phụ lục IV

PHÂN CÔNG NỘI DUNG THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, QUẬN, HUYỆN
(Kèm theo Kế hoạch số 3931/KH- UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

STT	Đơn vị thực hiện	ĐVT	Số lượng
I ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC (QUẬN 9 CŨ)			
1	Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	mô hình	12
1.1	Cá kiêng	mô hình	2
1.2	Cây rau	mô hình	8
1.3	Hoa lan cây mô	mô hình	2
II ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH			
1	Chuyên giao nông nghiệp công nghệ cao	chuyên	4
Tổ chức tham quan học tập các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Thành phố và các tỉnh thành trong nước cho nông dân điển hình của huyện.			
III ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỐC MÔN			
1	Chuyên giao nông nghiệp công nghệ cao		
1.1	Tập huấn, bồi dưỡng chuyên gia khoa học công nghệ cho nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố	lớp	30
1.2	Tham quan học tập mô hình hiệu quả trên địa bàn Thành phố và các tỉnh thành trong nước	chuyên	4
IV ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHÌ			
1	Chuyên giao nông nghiệp công nghệ cao		
Tổ chức tham quan học tập mô hình nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố và các tỉnh thành trong nước			
V ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÀN GIỜ			
1	Phát triển khoa học và công nghệ		
Phát triển diện tích trồng xoài Cần Giờ theo tiêu chuẩn VietGAP			
		ha	75

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ